

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 149/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 12 năm 2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hơn.

2. Bà Phan Thị Đẹp.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trạng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 581/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đinh Thị Hồng N**, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Số A, đường K, Phường B, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số B, ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Trần Minh H**, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: Số A, đường K, Phường B, TP M, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt bà N, vắng mặt ông H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 25/8/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Đinh Thị Hồng N** trình bày: Bà và ông **Trần Minh H** tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng hay có những bất đồng trong cuộc sống hằng ngày dẫn đến thường xuyên cãi vã, từ đó tình cảm ngày càng rạn nứt, mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng không

thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Minh K, sinh ngày 31/7/2007. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu K, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Trần Minh H đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà N.

* Tại phiên tòa, bà Đinh Thị Hồng N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông H, về con chung giao con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đinh Thị Hồng N và ông Trần Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Được Ủy ban nhân dân Phường B, TP M, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 02/02/2007. Ngày 25/8/2020 bà N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Trần Minh H cư trú tại số A, đường K, Phường B, TP M, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Bị đơn ông Trần Minh H đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có mặt để dự phiên tòa mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Minh H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị Hồng N và ông Trần Minh H được Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, xác định hôn nhân của ông H, bà N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông H, bà N sống chung với nhau hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu

thuần, nguyên nhân do vợ chồng luôn có nhiều bất đồng trong cuộc sống hàng ngày nên dẫn đến cự cãi, gây gổ nhau nhiều lần, từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Thời gian kéo dài bà N cho rằng không còn tình cảm với ông H nữa nên dọn về nhà mẹ ruột ở huyện C, tỉnh Tiền Giang sống ly thân với ông H từ năm 2017 cho đến nay.

Xét thấy, từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Tòa án đã triệu tập ông H đến để tham dự phiên tòa, nhưng ông H vắng mặt không có lý do, nên không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Việc ông H không đến dự phiên tòa là mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Tại phiên tòa bà N trình bày không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng với ông H nên đã nộp đơn ly hôn và vẫn cương quyết ly hôn, cho thấy hôn nhân giữa ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông bà có 01 con chung là Trần Minh K, sinh ngày 31/7/2007. Xét thấy, cháu K hiện nay chưa đủ 18 tuổi, đang trực tiếp chung sống với bà N và cũng có nguyện vọng muốn được chung sống với mẹ, nên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn của bà N là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không có yêu cầu. Ông H có quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 189, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 8, 9, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Hồng N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị Hồng N được ly hôn với ông Trần Minh H;

- Về con chung: Giao cháu Trần Minh K, sinh ngày 31/7/2007 cho bà Đinh Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông Trần Minh H không phải cấp

đưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí: Bà Đinh Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001971 ngày 01/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đinh Thị Hồng N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Trần Minh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND Phường B, Tp Mỹ Tho;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thúy Hằng